

Thi Sĩ Cung Trầm Tưởng trong Dòng Thơ Mới

Nguyễn Cao Quyền

Mỗi khi nói đến “*thơ*” người ta thường nghĩ đến một cái gì vừa đẹp vừa gợi cảm. Thơ phản ánh cái đẹp, thường là đẹp buồn, trong cuộc sống và tâm trí con người. Đối tượng của *thơ* thường là những thứ trong cuộc sống hiện thực nhưng được thi sĩ đưa vào vũ trụ riêng của họ.

Vũ trụ của mỗi nhà thơ mỗi khác. Mỗi thi sĩ mở ra một *không gian thơ* đặc biệt cho riêng mình. Thơ tách khỏi những hiện tượng bình thường trong thiên nhiên và trong cuộc sống của con người, vì được nhà thơ thi vị hóa. Sự thăng hoa này phát động từ chính cái tình cảm và rung động mãnh liệt của thi sĩ.

Trong xã hội *Hy Lạp* cổ xưa, từ “*poet*” phát xuất từ động từ “*piin*” có nghĩa là sáng tạo. Dân *Hy Lạp* cho Thượng Đế là thi sĩ vĩ đại nhất và vũ trụ là tác phẩm của Ngài. Thơ cho người thường làm thấy chân diện mục của thi sĩ, nhưng thơ cũng không thô lộ gì khác ngoài những nhịp đập của trái tim. Thí dụ như đoạn thơ “*nhớ nước*” sau đây:

*Lũ chúng ta mười phương trời hoạn nạn
Lià quê cha như thú chạy cháy rừng
Chân vẫn nặng những con đường cũ
Mắt vẫn còn tưởng nhớ gió trăng xưa.*

(Hoàng Khởi Phong)

Dòng “Thơ Mới”

Thơ Việt Nam trong thời cổ bắt chước thơ Tàu. Trong bao nhiêu thế kỷ liên tiếp người mình chỉ làm thơ tám câu bảy chữ theo thể “*thất ngôn luật*” mượn của thi nhân đời *Đường*. *Lý Bạch* được tôn làm “*thánh thi*”. Lối này phải quy cho chế độ khoa cử ngày xưa: những người đi thi, nếu làm thơ không theo *Đường luật* sẽ không bao giờ thi đậu.

Khi Tây sang, chế độ khoa cử này bị bãi bỏ. Thể “*thất ngôn luật*” cũng theo đó mà mất dần địa vị. Đầu thập niên 1930 thơ *Đường* bị công kích kịch liệt và người ta hô hào lưu tâm đến lối “*lục bát*” và “*song thất lục bát*” là những lối thơ đặc biệt của Việt Nam. Lác đác đã thấy xuất hiện những bài thơ không niêm, không luật, không hạn chữ, hạn câu.

Cách mạng thơ Việt Nam nổ ra vào ngày 10/3/1932 là ngày bài thơ “*Tình Già*” của *Phan Khôi* xuất hiện trên tờ *Phụ Nữ Tân Văn* số 122 và gọi là “*Thơ Mới*”. Thơ Mới được báo *Phong Hóa* phổ biến, và người hưởng ứng thứ nhất là *Lưu Trọng Lư*. Dần dần người ta thấy đăng trên *Phong Hóa* thơ của *Thế Lữ*, *Nhất Linh*, *Vũ Đình Liên*, *Đoàn Phú Tứ*, *Huy Thông*. Trên tờ *Ngày Nay*, riêng *Thế Lữ* còn bỏ ra nhiều công sức để dạy nghề làm “*Thơ Mới*” cho những ai nuôi giấc mộng trở thành thi sĩ.

Trong mười năm *Thơ Mới* đã tranh đấu quyết liệt để giành quyền sống và, sau một thời gian ngắn, đã toàn thắng. Chưa bao giờ trong lịch sử thi ca Việt Nam có một thời đại phong phú như thời đại này. “*Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ mở rộng như thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên, thiết tha, rạo rực và băn khoăn như Xuân Diệu*” (Hoài Thanh, *Thi Nhân Việt Nam*) .

Quay về với lịch sử xa hơn một chút, ta có thể coi nữ sĩ *Hồ Xuân Hương* như là *tiền thân* của dòng *Thơ Mới*. Bà cũng là người đã dùng văn chương phê phán, đả phá chế độ *hôn nhân* dưới thời vua chúa và lớn tiếng đòi *quyền làm người* cho phụ nữ Việt Nam vào cuối thế kỷ 18, gần như cùng thời gian với *Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Quyền Công Dân* của những nhà cách mạng Pháp năm 1789.

Sau này cũng vậy, những nhà *Thơ Mới* của tiền bán thế kỷ 20 (1932-1945) phải được coi như những người Việt Nam đầu tiên đấu tranh cho *tự do và nhân quyền* của dân tộc. Họ không xa rời cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng và cũng chưa bao giờ bị rơi vào tình trạng cô đơn không lối thoát như những người cộng sản phê bình.

Một biểu hiện khá rõ nét của *tinh thần dân tộc* trong *Thơ Mới* là lòng yêu thương tiếng Việt. Dưới thời cai trị của thực dân Pháp tiếng Việt bị coi thường và đối xử lạnh nhạt bởi chính dân tộc mình. *Thơ Mới* đã làm cho tiếng Việt sống lại. *Huy Cận* nghe trong tiếng ru của bà mẹ Việt Nam có *hồn thiêng đất nước*:

Nằm trong tiếng nói yêu thương
Nằm trong tiếng Việt vẫn vương một đời
Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi
Hồn thiêng đất nước còn ngồi bên con
Tháng ngày con mẹ lớn khôn
Yêu thơ, thơ kể lại hồn ông cha
Đời bao tâm sự thiết tha
Nói trong tiếng nói lòng ta thuở giờ...

Xuân Diệu hô hào sinh viên phải có lòng yêu thương quốc văn. Trong những năm dài nô lệ, tiếng Việt đã không nghèo đi mà còn trở nên trong sáng và phong phú hơn. Đó là nhờ sự đóng góp tích cực của những nhà *Thơ Mới*. Người ta cảm động, sung sướng và tự hào khi thấy hình ảnh của đất nước Việt Nam mỹ lệ hiện lên, triu mến và thân thương trong *Thơ Mới*.

Phong trào *Thơ Mới* là một hiện tượng mang màu sắc dân tộc nên đã có sự tham gia của tất cả các nhà thơ Trung Nam Bắc. Trong *Thơ Mới* hiện lên hình ảnh của đất nước Việt Nam thống nhất và vô cùng đẹp đẽ.

Thơ Mới mang ảnh hưởng *lãng mạn* của thơ Pháp và dư âm của thơ Đường. Thoạt đầu, đọc Thế Lữ người ta mừng rỡ tưởng tới *Chateaubriand*. Đọc thơ Huy Thông người ta cảm thấy hơi thở của *Victor Hugo*. Nhưng từ 1936 về sau, các nhà Thơ Mới Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều hơn của *Beaudelaire*, *Verlaine* (thuộc phái Tượng Trưng). Riêng *Beaudelaire* hơi nghiêng về phía “*nghệ thuật vì nghệ thuật*”. Quan điểm này đã ảnh hưởng rõ rệt đến một số bài thơ của *Bình Khê*.

Nhiều nhà *Thơ Mới* cũng chịu ảnh hưởng của thơ Đường. Họ thấy trong thơ Đường một cái gì quen thuộc về mặt nhân bản, trữ tình và yêu thiên nhiên của *Lý Bạch*, *Vương Xương Linh*, *Thôi Hiệu*, *Vương Duy*, *Đỗ Mục*, *Bạch Cư Dị*... Trong số thi nhân Trung Hoa này, *Lý Bạch* được nhiều người ưa thích nhất.

Mặc dầu vậy, ảnh hưởng của thơ Pháp, thơ Đường không làm mất đi bản sắc dân tộc của thơ Việt. Dòng *Thơ Mới* có nhiều khả năng diễn đạt hơn thơ cũ nhờ ở thể cách linh hoạt, nhạc điệu dồi dào, ngôn ngữ gợi cảm và nhiều hình tượng. Điều đáng chú ý là ảnh hưởng của thi ca nước ngoài một khi đã vào *Thơ Mới* thường được Việt hóa.

Thơ Mới đã mở ra một cuộc cách mạng trong thi pháp và tư duy thơ Việt Nam. Phong trào này là một sự tổng hợp tài tình giữa Đông, Tây, Dân Tộc và Hiện Đại. Từ đó mở ra một thời đại lớn và rực rỡ, mở đầu cho sự phát triển của thi ca trong nền văn học của nước nhà.

Hành Trình Thơ của Cung Trầm Tưởng



Tại miền Nam sau năm 1954, tạp chí *Sáng Tạo*, ra đời vào cuối thập niên 1950, đã được coi như là nơi sản xuất ra bốn nhà *Thơ Mới* tài danh: *Thanh Tâm Tuyền* với thơ tự do, *Nguyễn Sa* với thơ hiện đại, *Tô Thùy Yên* với thơ bảy chữ cải tiến và *Cung Trầm Tưởng* với thơ lục bát tân kỳ.

Những đoạn viết tiếp theo xin được phép chỉ nói riêng về thi sĩ *Cung Trầm Tưởng* và tác phẩm *Hành Trình Thơ* của ông mới được ra mắt trong tháng 7 năm 2012 tại California. Đây là một tác phẩm đồ sộ gồm bảy tập. Tập một: *Sóng Đầu Dòng, Tình Ca và Qúa Độ*. Tập hai: *Lời viết hai tay*. Tập ba: *Bài ca níu quan tài*. Tập bốn: *Những dấu chân ngang trên một triển phiếm định*. Tập năm: *Thi bá con tắc kè và bà góa phụ*. Tập sáu:

Mỗi dặm đường một nghìn vần cho thơ. Tập bảy: *Sáng ký về người tình đầu*.

Những ai yêu thơ *Cung Trầm Tường* và đã đọc hết tác phẩm này chắc không thể không đồng ý với tác giả rằng: “*Đây là một tập hợp ngôn ngữ có tính thống nhất cao chứ không phải là một lắp ráp những con chữ ô hợp hay lạ giống với nhau*”. Vì thế, giới thiệu thơ *Cung Trầm Tường*, trong khung khổ hạn chế của bài viết, xin được phép chỉ nói về những phần nổi trội nhất trong tác phẩm.

Nổi trội nhất trong tác phẩm dày 640 trang này là hai tập thi ca: *thi ca lãng mạn* sáng tác từ khi ông còn đi học ở bên Pháp năm 1956 và *thi ca niu quan tài* viết trong ngục tù cộng sản từ 1975 đến 1985.

Những ai đã sống tuổi thanh niên tại Saigon trong những năm cuối của thập kỷ 1950 chắc chưa quên buổi giới thiệu tập *Tình Ca* đầu tay của thi sĩ *Cung Trầm Tường* với hình bìa lộng lẫy của họa sĩ *Nguyễn Cao Nguyên* (nghệ danh *Ngô Cao Uyên*) tại nhà hàng *Anh Vũ*. Buổi ra mắt, với sự hiện diện của tác giả, nhạc sĩ *Phạm Duy*, họa sĩ *Nguyễn Cao Nguyên* và sự đóng góp của ca sĩ *Thái Thanh*, đối với nhiều người đã là một ấn tượng khó quên. Trong 13 bài của tập *Tình Ca* thì 6 bài đã được *Phạm Duy* phổ nhạc. Đặc biệt bài “*Tiến Em*”, phổ nhạc từ bài thơ *Chưa bao giờ buồn thế*, đã nhanh chóng trở thành bài ca cửa miệng của thanh niên thời bấy giờ và của nhiều thế hệ tiếp theo.

Với ba bài thơ *Mùa Thu Paris*, *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* và *Khoác Kín*, *Cung Trầm Tường* đã gieo vào lòng người thường lắm những xúc cảm mạnh (hơn cả *Anatole France* thời trước) khi mô tả lại những nét lãng mạn của vườn *Luxembourg*, của *Xóm Học* nổi danh (*Quartier Latin*), của những chụp đèn vàng hiu hắt trong ga *Lyon* (Paris), của đoàn tàu tuyết phủ lúc chia ly, của chiếc áo choàng khoác kín lúc lủi thủi ra về và đặc biệt của những quán rượu ngoài hè thơm mùi phấn hương phụ nữ từ những em sinh viên tóc vàng sợi nhỏ. Một loạt những ấn tượng lãng mạn rung cảm đó vẫn còn ở lại trong tâm thức của những thanh niên 60 năm về trước.

Nhưng *Cung Trầm Tường* không chỉ gây ấn tượng mạnh trong tâm hồn người đọc mà ông còn là nhà thơ đầu tiên đưa ngôn ngữ tân kỳ vào thơ lục bát, khác với ngôn ngữ quy ước được dùng trong thơ của *Thế Lữ*, *Lưu Trọng Lư*, *Xuân Diệu*, *Huy Cận*, *Trần Huyền Trân*... ngày trước.

Ông đã đổi mới văn chương so với thời *Thế Lữ*, *Xuân Diệu*... Vì sự đổi mới này mà thơ ông đã được nồng nhiệt đón chào. Những bài lục bát độc đáo, cho thấy rõ chủ tâm sáng tạo từ ngữ tân kỳ của tác giả. Ta hãy đọc :

...Ngày đi chiều tới không nghiêm
Khoan thai gió thổi phong niêm rũ buồn
Bờ nghiêng, nắng dốc, đường thôn
Thiết tha tiếng cũ nghe luôn không trung

Thời *Thế Lữ*, *Xuân Diệu* làm gì có một ngôn ngữ thơ như thế. Lần theo *Hành Trình Thơ* của *Cung Trầm Tường*, ta thấy mức độ tân kỳ ngày càng đậm đặc và phong phú thêm lên. Và đây chính là chủ đích của nhà thơ. Thi sĩ họ *Cung* quan niệm: “*Làm thơ là luyện ngôn như luyện kim và hướng đi của tân kỳ ngày càng phải xa hơn.*”

*



Sau 1975, *Cung Trầm Tường* phải trả cái nợ “*lao cải*” bằng mười năm dòng dãi trong các trại tù cộng sản. Nói về thời gian bị tù đầy này, nhà văn *Viên Linh* nhận xét rất chính xác như sau: “*Vào tù tưởng lãnh mất hết khí giới nhưng vào tù khí giới của thi sĩ *Cung Trầm Tường* vẫn còn nguyên*”. Điều này có thể được chứng minh khi đọc những lời thơ “*viết hai tay*” của ông. Phải viết hai tay vì bị còng bằng khóa số 8. Mặc dầu vậy, thơ *Cung Trầm Tường* vẫn nở rên như đại bác.

Vào tù, ngay từ những ngày đầu tiên của cuộc sống khổ sai thơ *Cung Trầm Tường* bắt đầu nhả đạn:

Hãy chặt chặt sáu tông phát phất
Hãy phang phang gắt quắm ào ào
Mai về đạ nhẩy ngay nòng súng
Trực chỉ đầu thù nổ thật mau.

Người ta thấy xuất hiện một *Cung Trầm Tưởng* khí phách, hiên ngang giữa vòng vây bạo lực, một *Cung Trầm Tưởng* hô phong hoán vũ để giữ vững tinh thần của những người đồng cảnh qua bài thơ biểu tượng sau đây:

*Lòng ta đứng vững như vầu
Thân cao lỏng thẳng giữa bầu trời xanh...
...Mỗi ngày vầu mỗi cứng ra
Đổi thay lá mới, đậm đà lỏng tươi
Vẫn đanh như thép sáng ngời
Nắng mưa thì cũng trọn đời đứng ngay.*

Bài Ca Níu Quan Tài là một bản cáo trạng thơ tương tự như tác phẩm *Les Châtiments* của văn hào Pháp Victor Hugo khi lên án chế độ *Nã Phá Luân Đế Tam*. Nhưng ở đây nộ khí toát ra từ những lời thơ của *Cung Trầm Tưởng* rực lửa hơn nhiều. Thi ảnh được chọn lọc và diễn tả trung thực để nói lên bản chất thâm độc của cộng sản, để mô tả kỹ thuật trả thù hiểm ác nhập cảng từ đất Nga La Tư xa lạ, để tố cáo một thứ bạo lực nguội và một kế hoạch làm chảy máu trắng kinh hoàng hơn những tràng súng liên thanh hành quyết. Bản cáo trạng này sẽ ở lại lâu dài trong lịch sử nước nhà, như một vết dao đâm phản bội dân tộc, để các thế hệ sau lượng án.

Chất men văn chương và độ nồng trầm trữ trong thi phẩm, ngoài tác dụng buộc tội còn gieo vào lòng độc giả *khát vọng tự do* cao độ ngang bằng giá trị một lời *hịch* đấu tranh giải phóng quê hương. Với nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ như vậy *Cung Trầm Tưởng* thật sự đã mang tác phẩm của mình khắc sâu vào tâm hồn người đọc.,

Đối với giai đoạn sau 1975, *Cung Trầm Tưởng* không nhận thơ mình là thơ hiện thực nữa, mà là *siêu hiện thực*. Ông cho rằng quần thể trại tù cộng sản mang dáng dấp một con quái vật thời tiền sử. Cho nên muốn tả lại hình ảnh của nó một cách nghiêm túc thì không thể nào dùng ngôn ngữ bình thường mà phải dùng một ngôn ngữ đặc biệt. Thủ thuật ngôn ngữ đó tác giả gọi là *hoán dụ*: dùng tên của một sự vật này để chỉ một sự vật khác. Khả năng *hoán xưng* này là vô tận cho sự tung cánh của hồn thơ.

Cái trữ tình lãng mạn thời tuổi trẻ, trong cơn hoạn nạn, đã trở thành tụng ca *vinh danh và vinh thăng đức hạnh* phu nữ Việt Nam lên hàng những *nữ thần huyền sử*.

*Phố áy Đông Đăng trùng điệp núi
Đá mòn thành tượng của tình chung
Em đứng ôm con bông mưa nắng
Sắt son dững cảm đến Kỳ Cùng.*

Tuyệt đẹp và cảm động! Khó cảm được nước mắt ! Nhưng bức tranh không chỉ đơn thuần một màu ảm đạm. Nó còn mang những nét hoành tráng của sử thi:

*Hạnh phúc vò đau tay thú ác
Ân tình chà nát gót đười ươi
Em vẫn hiên ngang từng lỏng trúc
Vút roi quật ngã kẻ thù người.*

Nhà thơ của chúng ta bây giờ hướng về những chân trời bát ngát hơn của đất nước vũ trụ và lịch sử. Qua lời thơ, ông muốn phản ánh cái tầm vóc huyền sử của một thời hưng man ghê rợn mà ông và những người cùng thế hệ đã trải qua. Đó là *thi sĩ Cung Trầm Tưởng* của chúng ta hôm nay và mãi mãi về sau. /.

Nguyễn Cao Quyền
Viết xong ngày 18/7/2012 (Năm Nhâm Thìn)